



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). 15





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia
(Kèm theo Quyết định số 35/2026/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tên miền, chức năng, nguyên tắc, trách nhiệm và quy trình quản lý, vận hành, cung cấp, cập nhật và khai thác dữ liệu trên Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, vận hành, khai thác thông tin, dịch vụ, tiện ích và cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu trên Cổng Pháp luật quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổng Pháp luật quốc gia là nền tảng số dùng chung quốc gia về pháp luật sử dụng chung cho các ngành, lĩnh vực nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác thông tin pháp luật, tìm hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên môi trường số và tương tác thông tin với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân với người dân, doanh nghiệp.

2. Cơ quan chịu trách nhiệm nội dung là cơ quan cung cấp thông tin chính sách, pháp luật được đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia và chịu trách nhiệm cuối cùng về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, nội dung cung cấp.

Điều 4. Tên miền, chức năng, nhiệm vụ của Cổng Pháp luật quốc gia

1. Tên miền của Cổng Pháp luật quốc gia: <https://phapluat.gov.vn> và <https://vietnamlaw.gov.vn>.

2. Chức năng và các nhiệm vụ của Cổng Pháp luật quốc gia:

a) Cung cấp thông tin pháp luật, tình hình xây dựng, ban hành, công bố văn bản quy phạm pháp luật; truyền thông về chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật; giúp doanh nghiệp, Nhân dân tra cứu, tìm hiểu, thực thi, giám sát, đánh giá chính sách, pháp luật;

b) Hỗ trợ lấy ý kiến, góp ý, hiến kế đóng góp của chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân đối với công tác xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật; nâng cao hiệu quả tham gia góp ý vào quá trình xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng thuận tiện, công khai, minh bạch, tương tác thông tin giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp;

c) Cung cấp thông tin thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính;

d) Cung cấp thông tin trợ giúp pháp lý;

đ) Công bố, cập nhật các thông tin về tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cung cấp chức năng gửi phản ánh, kiến nghị về quy định của văn bản quy phạm pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế; đồng thời cho phép theo dõi quá trình tiếp nhận, xử lý và nhận kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác;

e) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp thông tin trên Cổng Pháp luật quốc gia

1. Cung cấp thông tin pháp luật phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, đầy đủ, kịp thời, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; dễ tra cứu, dễ sử dụng, dễ khai thác; tăng cường tương tác trực tuyến thông qua các ứng dụng, tính năng, chuyên mục, diễn đàn; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan; thông tin đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia phải xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm nội dung.

3. Quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp thông tin đúng thẩm quyền, trách nhiệm.

4. Thông tin do ứng dụng trí tuệ nhân tạo cung cấp và phiên bản tiếng nước ngoài trên Cổng Pháp luật quốc gia chỉ có giá trị tham khảo, không thay thế ý kiến chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Cá nhân, tổ chức có hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, cố ý làm sai lệch, hủy hoại thông tin, phát tán thông tin sai sự thật và lợi dụng Cổng Pháp luật quốc gia để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Cổng Pháp luật quốc gia phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các hợp phần, thành phần tích hợp của Cổng Pháp luật quốc gia

1. Cổng Pháp luật quốc gia là điểm truy cập tập trung các hợp phần thuộc Cổng Pháp luật quốc gia (trừ thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia). Các hợp phần bao gồm các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương và các cơ sở dữ liệu, thông tin pháp luật khác đủ điều kiện là hợp phần có điểm truy cập khai thác tập trung trên Cổng Pháp luật quốc gia.

2. Các thành phần tích hợp là các cổng, trang thông tin điện tử, các ứng dụng, dịch vụ tiện ích về chính sách, pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước hoặc của cơ quan, tổ chức có thoả thuận liên kết được tích hợp trên Cổng Pháp luật quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ CUNG CẤP, KHAI THÁC, CẬP NHẬT THÔNG TIN TRÊN CỔNG PHÁP LUẬT QUỐC GIA

Điều 7. Cơ quan quản lý, vận hành Cổng Pháp luật quốc gia

1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng Pháp luật quốc gia.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chủ quản hợp phần của Cổng Pháp luật quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ cập nhật thông tin, dữ liệu trên Cổng Pháp luật quốc gia do cơ quan, địa phương cung cấp thông tin và trên các hợp phần, thành phần của Cổng Pháp luật quốc gia mà mình là cơ quan chủ quản (nếu có).

3. Việc cập nhật thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải bảo đảm theo chuẩn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thông tin cung cấp, đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia

1. Thông tin về văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm các biểu mẫu nếu có).

2. Thông tin về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thông tin về hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

4. Thông tin của hệ thống thông tin, các cổng, trang thông tin cơ quan, đơn vị thuộc hợp phần, thành phần của Cổng Pháp luật quốc gia.

5. Thông tin trợ giúp pháp lý.

6. Thông tin về phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật.

7. Thông tin về thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

8. Thông tin về tài liệu, tư liệu pháp lý.

9. Thông tin về quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia.

10. Các thông tin về pháp luật và các thông tin khác theo yêu cầu quản lý nhà nước về công tác xây dựng, thi hành pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 9. Yêu cầu đối với thông tin cung cấp, đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia

1. Phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời phục vụ nhu cầu tra cứu, nghiên cứu pháp luật; bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu quản lý nhà nước về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Bảo đảm đầy đủ, thống nhất, rõ ràng, kịp thời, được sắp xếp khoa học, dễ tiếp cận.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên mạng.

Điều 10. Từ chối đăng tải thông tin

Cổng Pháp luật quốc gia từ chối đăng tải các thông tin trên Cổng Pháp luật quốc gia trong các trường hợp sau đây:

1. Không đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

2. Chưa được công khai theo quy định của pháp luật;

3. Không đúng sự thật;

4. Nội dung thông tin không phù hợp với nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp thông tin trên Cổng Pháp luật quốc gia quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

5. Vi phạm quy định pháp luật khác.

Điều 11. Quản lý, vận hành, khai thác các hợp phần trên Cổng Pháp luật quốc gia

Việc quản lý, vận hành, khai thác các hợp phần trên Cổng Pháp luật quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của từng hợp phần.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác thông tin trên Cổng Pháp luật quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được tra cứu, sử dụng, khai thác miễn phí các thông tin trên Cổng Pháp luật quốc gia. Quy định này không áp dụng đối với các dịch vụ mà hợp phần, thành phần được pháp luật quy định thu phí.

2. Chỉ sử dụng Cổng Pháp luật quốc gia cho các mục đích hợp pháp và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình.

3. Trường hợp sử dụng lại các thông tin, nội dung trên Cổng Pháp luật quốc gia để đăng tải trên các phương tiện khác phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ quản hợp phần hoặc tự mình chia sẻ các thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân đã có trên hệ thống bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin.

Điều 13. Chế độ nhuận bút, thù lao

Chế độ nhuận bút, thù lao (bao gồm nhuận bút, thù lao dịch thuật) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao về quản lý, vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia theo Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và phát triển Cổng Pháp luật quốc gia;

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, dữ liệu được phân quyền quản lý, cập nhật trên Cổng Pháp luật quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

đ) Kịp thời chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết hoặc phản ánh, kiến nghị để Bộ Tư pháp hướng dẫn, giải quyết;

e) Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc đăng tải hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện đăng tải bản dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng nước ngoài trên Cổng Pháp luật quốc gia theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm bản dịch được đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia phải là bản chính thức, rõ ràng, đầy đủ nội dung và đúng định dạng kỹ thuật theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; kết nối, đồng bộ dữ liệu pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia theo chuẩn kỹ thuật thống nhất.

3. Các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương, có trách nhiệm truyền thông để người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức biết và chủ động khai thác thông tin, sử dụng tiện ích của Cổng Pháp luật quốc gia.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo - Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Quốc hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật phối hợp với Bộ Tư pháp cung cấp thông tin chính sách, pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia và thực hiện Quy chế này.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan chủ động trao đổi, phối hợp hoặc phản ánh với Bộ Tư pháp để thống nhất phương án xử lý, kịp thời xử lý, khắc phục; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, phát triển Công Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật.
2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định, hướng dẫn, kế hoạch, đề án có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, phát triển Công Pháp luật quốc gia.
3. Theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình quản lý, vận hành, khai thác Công Pháp luật quốc gia.
4. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm của Công Pháp luật quốc gia, đáp ứng các yêu cầu về hiệu năng, an toàn thông tin, an ninh mạng, khả năng mở rộng, tích hợp với các hệ thống thông tin khác.
5. Vận hành Công Pháp luật quốc gia liên tục, thông suốt, ổn định, an toàn, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu đề ra.
6. Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, phát triển các hợp phần của Công Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật, Quy chế này và Quy chế của mỗi hợp phần (nếu có).
7. Hoàn thiện, phát triển Công Pháp luật quốc gia:
 - a) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp công nghệ mới, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tương tác trực tuyến, các công nghệ tiên tiến khác để nâng cao khả năng tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin pháp luật trên Công Pháp luật quốc gia;
 - b) Thiết lập, vận hành kênh tiếp nhận, đánh giá, giải đáp thắc mắc, hiến kế xây dựng chính sách, pháp luật của người dân, doanh nghiệp và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.
8. Hướng dẫn cụ thể các hợp phần của Công Pháp luật quốc gia.
9. Hướng dẫn về việc chia sẻ, tích hợp, quản lý tài khoản đăng nhập và tài khoản quản trị, phân quyền theo cấp độ, phạm vi khai thác, cập nhật và quản trị dữ liệu, quy trình cấp, tạm ngừng, đình chỉ, thu hồi tài khoản để tăng tính khả thi và an toàn của hệ thống.
10. Hướng dẫn về quy trình và thời hạn tiếp nhận, biên tập, xử lý, phê duyệt, cập nhật, đăng tải và phản hồi thông tin trên Công Pháp luật quốc gia.
11. Hướng dẫn về việc lưu trữ, rà soát, điều chỉnh và cải chính thông tin trên Công Pháp luật quốc gia.
12. Truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng, khai thác Công Pháp luật quốc gia:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức truyền thông về Công Pháp luật quốc gia để các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết và khai thác, sử dụng hiệu quả;

b) Tổ chức hướng dẫn, tập huấn, truyền thông cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Công Pháp luật quốc gia.

13. Chủ trì tổ chức đánh giá hằng năm việc quản lý, vận hành, khai thác Công Pháp luật quốc gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá được tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong báo cáo kết quả công tác tư pháp hoặc theo yêu cầu đột xuất của Thủ tướng Chính phủ.

14. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc khai thác và phát triển hiệu quả Công Pháp luật quốc gia.

15. Đề xuất, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí quản lý, vận hành, khai thác, phát triển Công Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thực hiện tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh với Công Pháp luật quốc gia và cung cấp định danh điện tử qua ứng dụng định danh quốc gia VNeID; chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin định danh; bảo đảm việc vận hành thông suốt, hiệu quả; kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan khắc phục sự cố (nếu có).

2. Thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Công Pháp luật quốc gia với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bảo đảm thông suốt hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trong quá trình trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất, ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ mới, bao gồm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ khác nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành, khai thác Công Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Kinh phí quản lý, vận hành và phát triển Cổng Pháp luật quốc gia

Kinh phí triển khai các hoạt động quản lý, vận hành và phát triển Cổng Pháp luật quốc gia do ngân sách nhà nước bảo đảm và được tiếp nhận nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các thông tin đã được tiếp nhận trước ngày Quy chế này có hiệu lực nhưng đang xử lý hoặc chưa xử lý thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này.